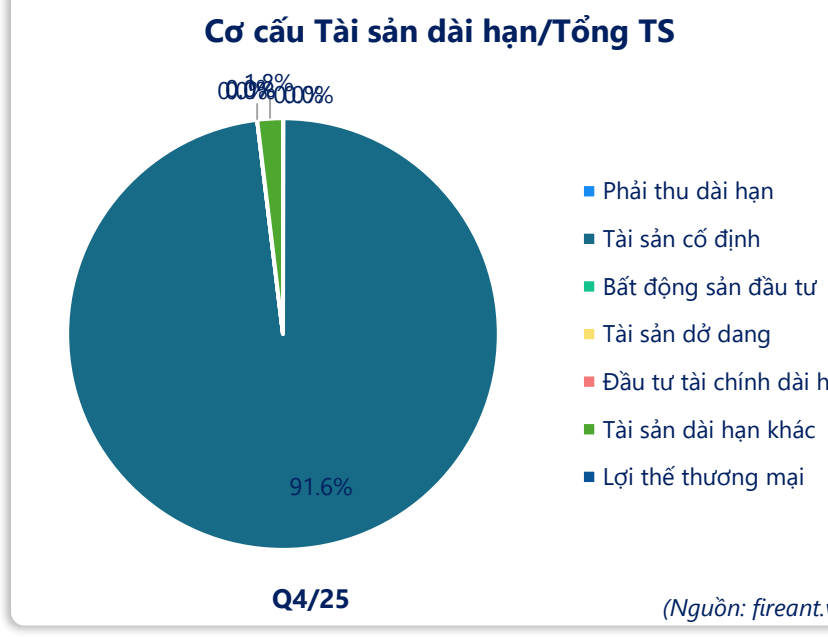
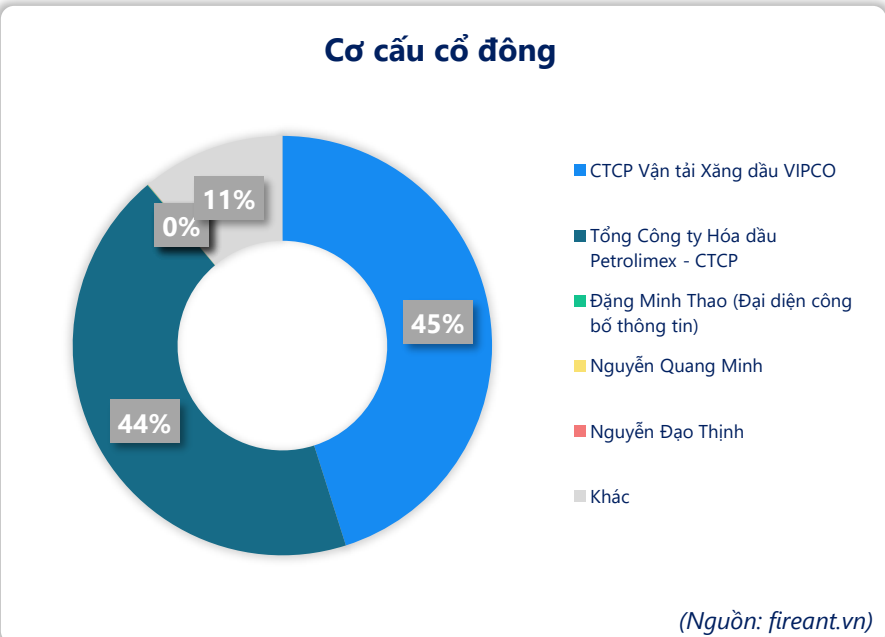
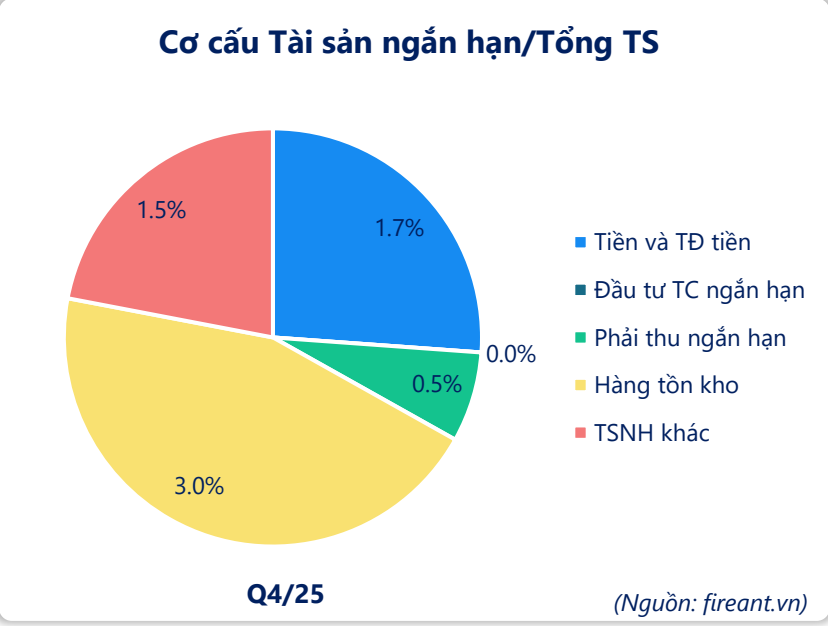
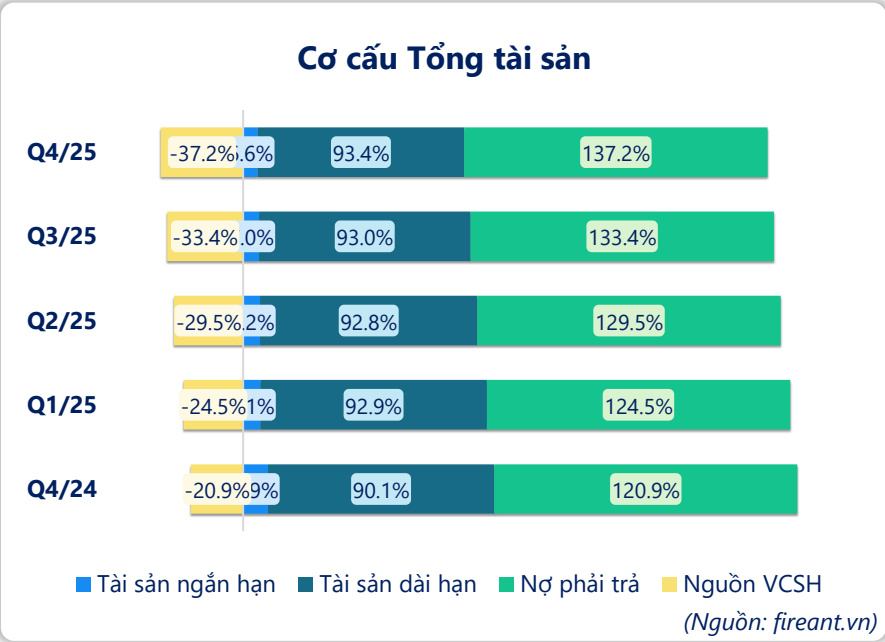
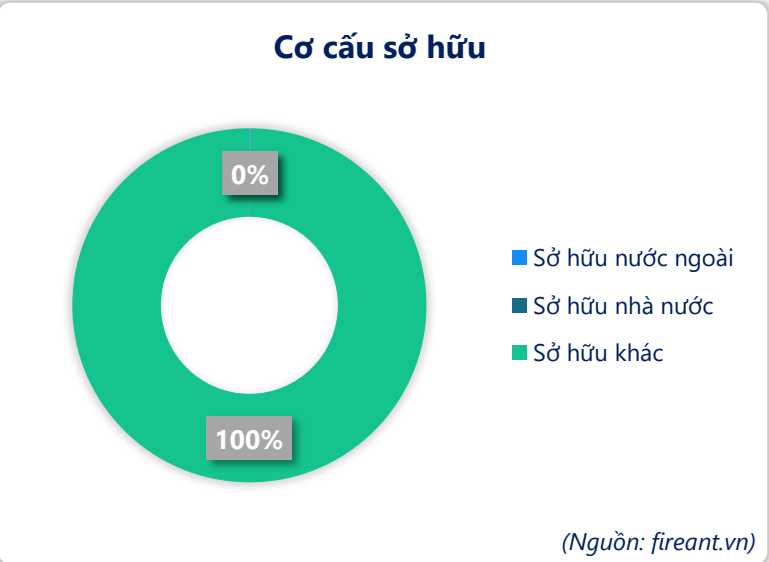
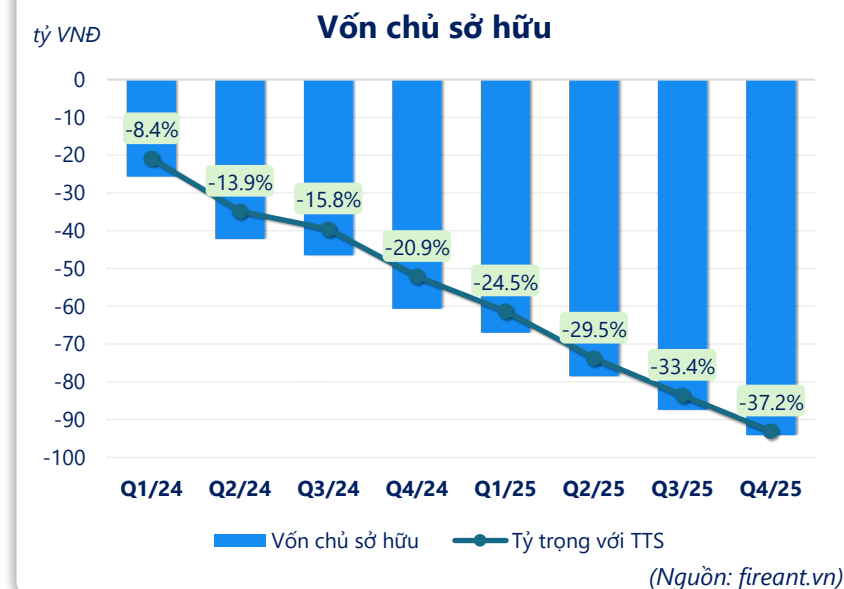
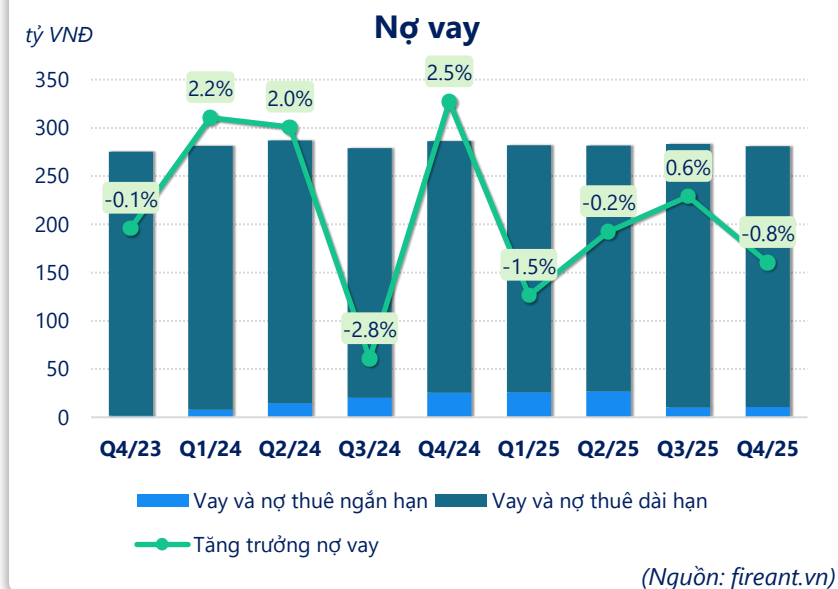
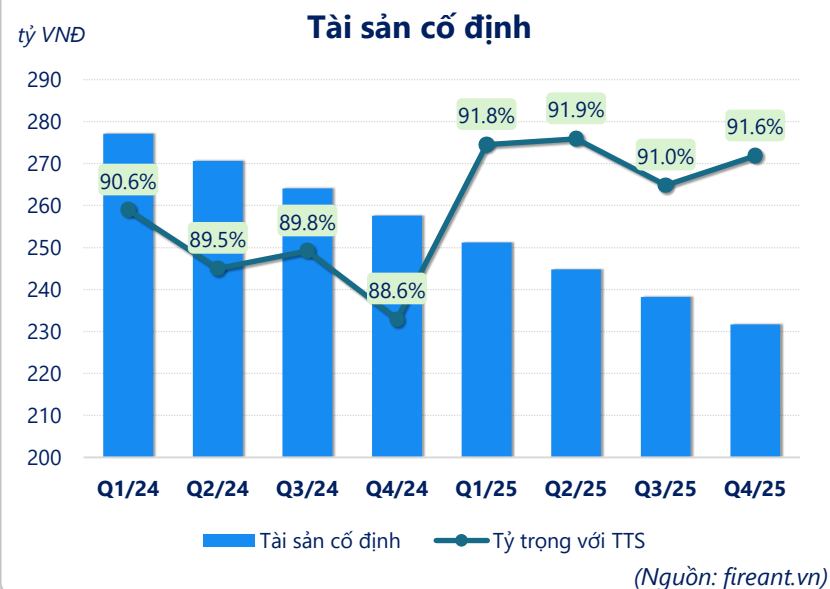
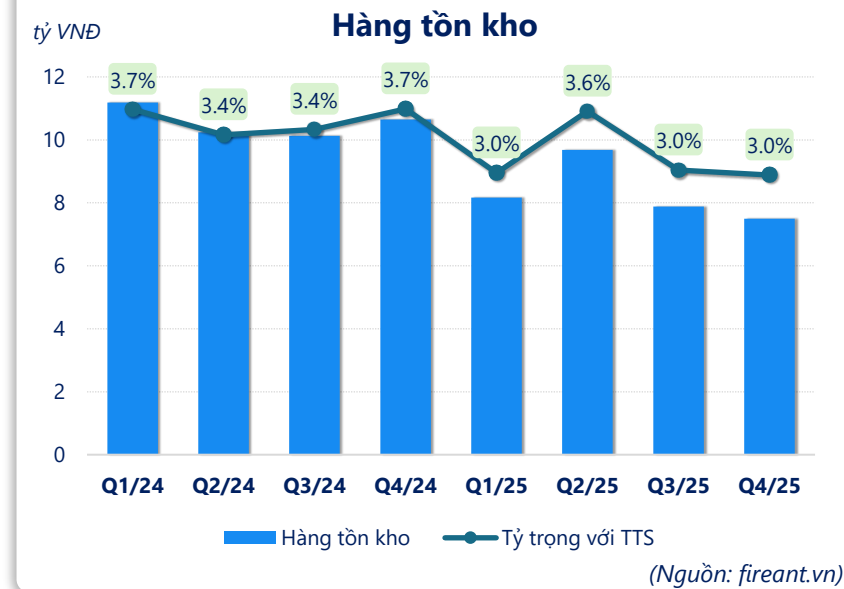
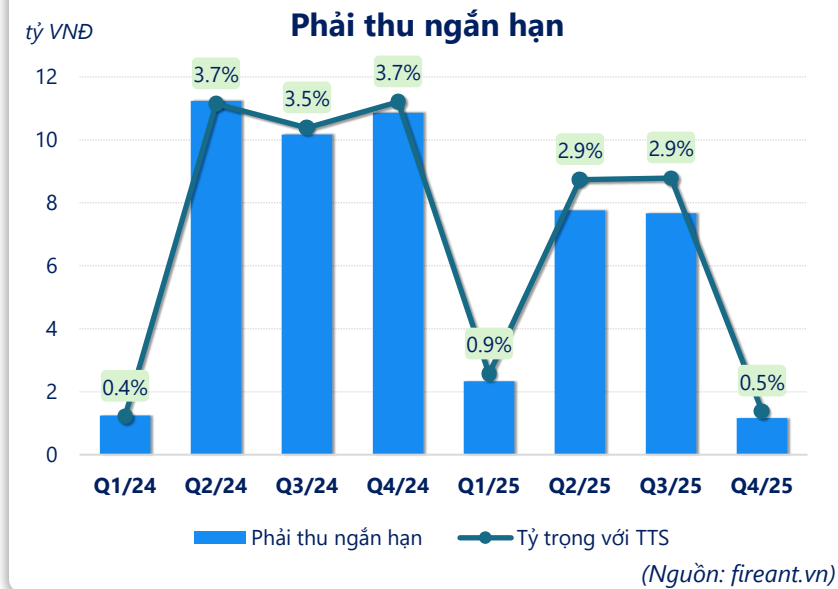
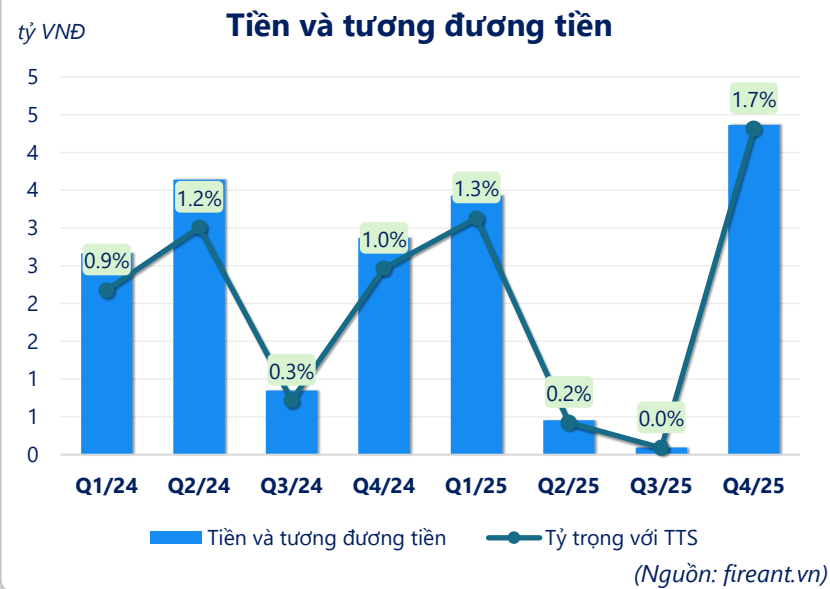
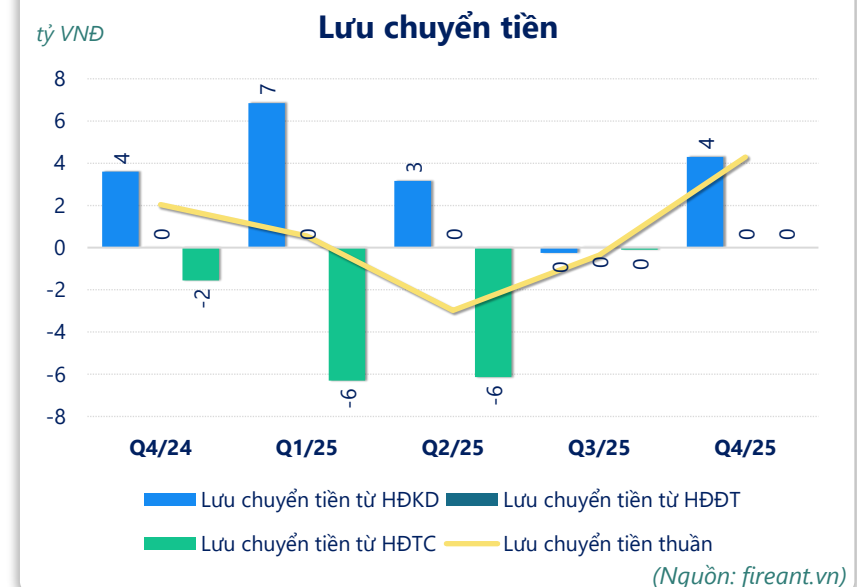
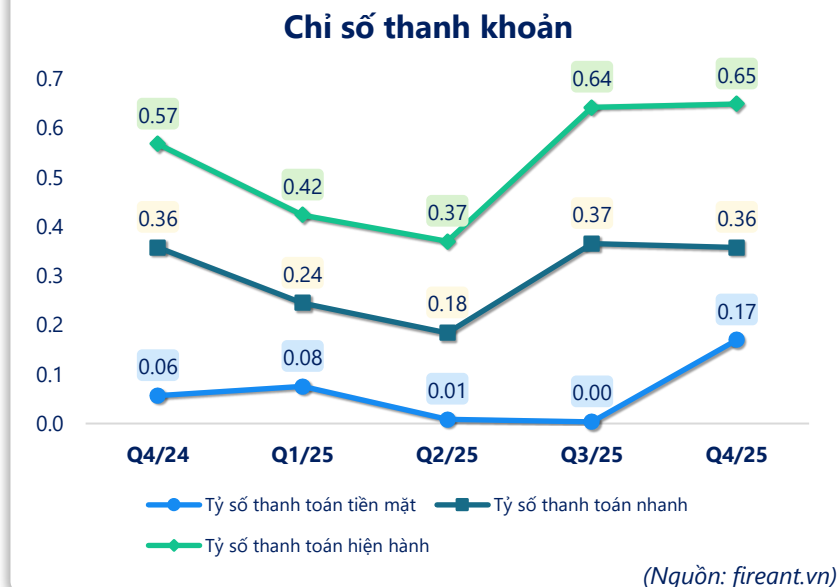
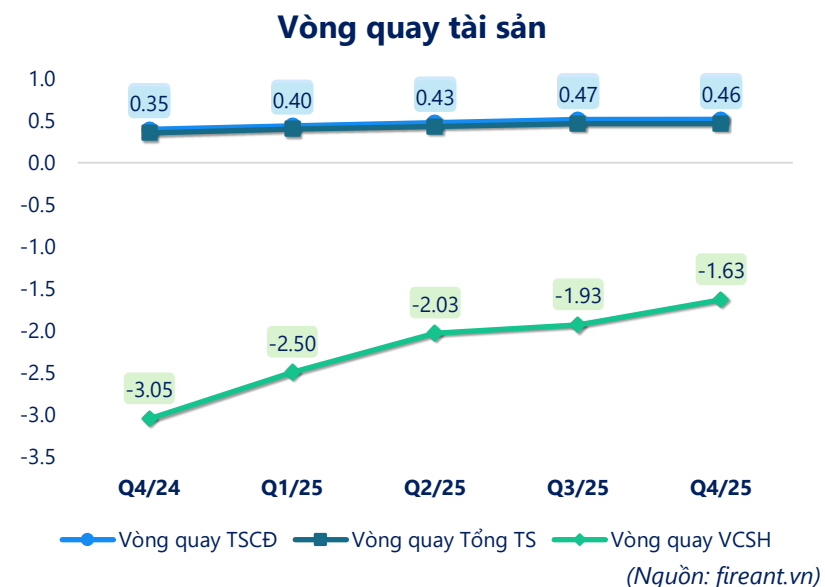
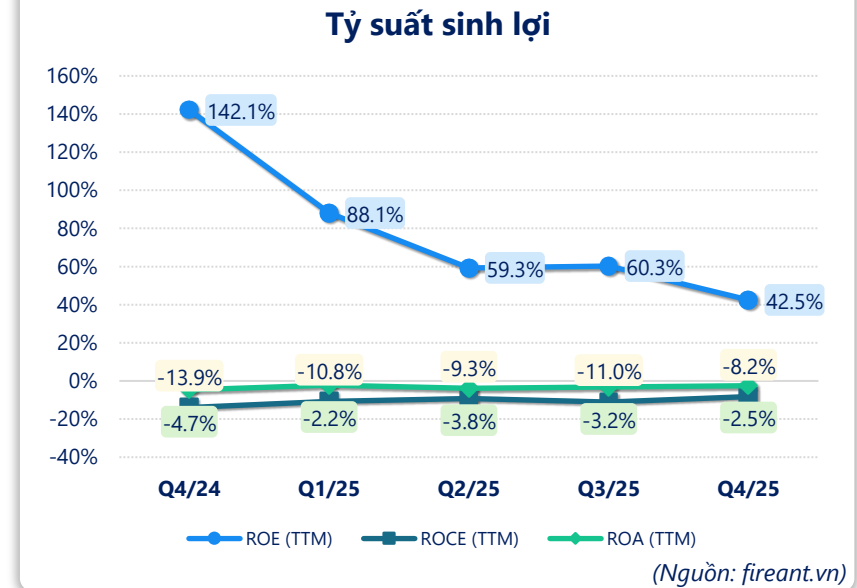
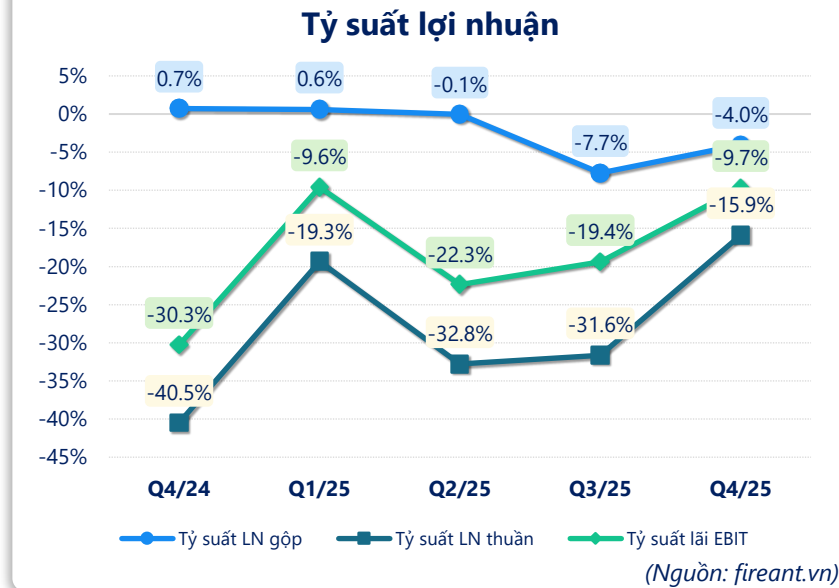
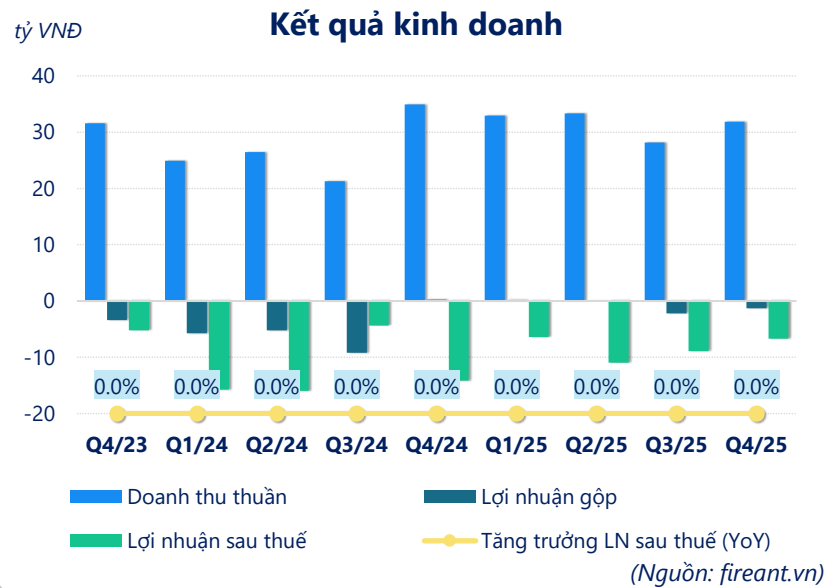


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,000
SL cổ phiếu LH		15,076,177
KLGD BQ 20 phiên (CP)		200
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		32
P/E		-1.0
EPS		-2,182

	YTD	1T	3T	6T
VPA	-44.7%	-22.2%	-25.0%	-19.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	253	291	-13.0%
Tài sản ngắn hạn	16.7	28.8	-42.1%
Tiền và tương đương tiền	4.37	2.87	52.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1.17	10.9	-89.3%
Hàng tồn kho	7.49	10.6	-29.7%
Tài sản ngắn hạn khác	3.67	4.44	-17.2%
Tài sản dài hạn	236	262	-9.8%
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản cố định	232	258	-10.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.52	4.36	3.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	347	351	-1.2%
Nợ ngắn hạn	25.7	50.8	-49.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	10.6	25.6	-58.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	8.39	12.7	-33.8%
Nợ dài hạn	321	301	6.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	270	261	3.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-94.1	-60.6	-55.2%
Vốn chủ sở hữu	-94.1	-60.6	-55.2%
Vốn điều lệ	151	151	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	34.9	33.0	33.3	28.1	31.9
Giá vốn hàng bán	34.7	32.8	33.3	30.3	33.2
Lợi nhuận gộp	0.25	0.20	-0.02	-2.18	-1.29
Doanh thu HĐTC	0.29	0.46	0.19	0.13	0.95
Chi phí TC	13.6	5.89	9.98	5.70	3.58
Chi phí lãi vay	3.58	3.22	3.48	3.45	3.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.06	1.14	1.12	1.16	1.14
LN thuần từ HĐKD	-14.1	-6.37	-10.9	-8.90	-5.06
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.01	0.00	-0.01	-1.61
LN trước thuế	-14.1	-6.38	-10.9	-8.91	-6.67
Lợi nhuận sau thuế	-14.1	-6.38	-10.9	-8.91	-6.67
LNST của CĐ cty mẹ	-14.1	-6.38	-10.9	-8.91	-6.67

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.59	6.85	3.16	-0.25	4.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0	0.00	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.56	-6.30	-6.14	-0.11	0
Tiền đầu kỳ	0.85	2.87	3.43	0.45	0.09
Lưu chuyển tiền thuần	2.04	0.55	-2.98	-0.36	4.29
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.01	0.00	0.00	-0.02
Tiền cuối kỳ	2.87	3.43	0.45	0.09	4.37

(Nguồn: fireant.vn)